

Số: 525/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 5 năm 2000

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí trợ giá,
trợ cước vận chuyển hàng chính sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ban hành ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ngân sách Nhà nước ngày 20/6/1998;

Căn cứ Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc; Thông tư liên Bộ: Bộ Thương mại - Du lịch - Ủy ban Dân tộc - Miền núi - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch - Đầu tư số 11/1998/TTLT ngày 31/7/1998 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ; Thông tư số 06/1998/TT-BVGCP ngày 22/8/1998 của Ban vật giá Chính phủ về việc hướng dẫn nguyên tắc xác định đơn giá trợ giá, trợ cước vận chuyển và xác định đơn giá bán lẻ hàng chính sách; Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 của Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc - Miền núi về việc công nhận 03 khu vực miền núi, vùng cao;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 73/TT-KH ngày 12/3/2000 về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định quản lý và sử dụng kinh phí trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng chính sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2: Quy định quản lý và sử dụng kinh phí trợ giá, trợ cước nói tại Điều 1 được áp dụng làm căn cứ cho việc lập kế hoạch, quản lý và quyết toán kinh phí trợ giá, trợ cước đối với các mặt hàng được trợ giá, trợ cước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3: Giao trách nhiệm cho các ngành: Ban Dân tộc - Miền núi chủ trì phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại - Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế và các cơ quan có liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định quản lý và sử dụng kinh phí trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng chính sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4: Các ông (bà): Chánh văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc - Miền núi, Giám đốc các Sở: Tài chính - Vật giá, Kế hoạch và Đầu tư, Thương mại - Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Văn hoá, Giao thông - Vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ thực hiện các mặt hàng trợ giá, trợ cước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Lê Thị Quang

QUY ĐỊNH
Quản lý và sử dụng kinh phí trợ giá, trợ cước
vận chuyển hàng chính sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UB
ngày 16 tháng 5 năm 2000 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước:

1- Đối tượng được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước là nhân dân các dân tộc sinh sống ở miền núi (Bao gồm cả công nhân viên chức, cán bộ, chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang).

2- Việc trợ giá, trợ cước được thực hiện thông qua giá bán một số mặt hàng được trợ giá, trợ cước theo danh mục quy định của Nhà nước và của tỉnh bảo đảm cho các đối tượng hưởng chính sách được mua với giá tương đương ở khu vực thị xã (tỉnh lỵ) của tỉnh.

3- Đơn vị thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước là những doanh nghiệp Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhằm vụ cung ứng các mặt hàng được trợ giá, trợ cước.

Điều 2: Các mặt hàng được trợ giá, trợ cước vận chuyển theo qui định của Nhà nước:

1- Các mặt hàng được trợ giá, trợ cước vận chuyển đến trung tâm cụm xã gồm: Giống cây trồng (Lúa lai, ngô lai), Muối I-ốt.

2- Các mặt hàng được trợ cước vận chuyển:

2.1- Các mặt hàng được trợ cước vận chuyển đến trung tâm cụm xã gồm: Giấy viết học sinh, dầu hoả thấp sáng, thuốc chữa bệnh (theo danh mục quy định do Sở Y tế đề nghị UBND tỉnh phê duyệt).

2.2- Các mặt hàng được trợ cước vận chuyển đến trung tâm huyện gồm: Phân bón hoá học (Đạm, lân, ka li, NPK, phân vi sinh), thuốc trừ sâu, than mỏ, sách (sách theo danh mục do Sở Văn hoá - Thông tin đề nghị UBND tỉnh phê duyệt).

3- Trợ giá in Báo Tuyên Quang.

4- Trợ giá máy thu thanh đơn giản cho đồng bào vùng đặc biệt khó khăn (khu vực III) theo kế hoạch Trung ương giao.

Hàng năm căn cứ nguồn kinh phí trợ giá, trợ cước được Trung ương giao cho tỉnh, nguồn kinh phí thuộc ngân sách địa phương và căn cứ kế hoạch kinh tế xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh qui định cụ thể từng mặt hàng và số lượng mặt hàng được trợ giá, trợ cước.

Điều 3: Định mức cung ứng hàng hoá để tính trợ giá, trợ cước vận chuyển:

1- Muối I-ốt: 5 kg/người/năm.

2- Dầu hoả: 3 lít/người/năm.

3- Giấy viết học sinh (hoặc vở): 1,5 kg/học sinh/năm (Bảng 12 tập giấy kẻ ngang hoặc vở học sinh tương ứng).

4- Thuốc chữa bệnh: 127 kg/1000 người/năm (theo danh mục được UBND tỉnh phê duyệt). Hệ số trọng lượng bao bì trên trọng lượng thuốc: 1,53.

5- Phân bón: 100 kg/ha đất gieo trồng/năm.

6- Thuốc trừ sâu: 0,12 kg/ha đất gieo trồng/năm.

7- Giống cây trồng: Lúa lai, ngô lai.

- Lúa lai: 30 kg/ha

- Ngô lai: 17 kg/ha.

8- Than mỏ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Công nghiệp - Thủ công nghiệp và các ngành có liên quan căn cứ vào kế hoạch sản xuất và tình hình thực tế để tham mưu với UBND tỉnh quyết định cụ thể mục tiêu sử dụng (ưu tiên cho nhu cầu sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, chất đốt của nhân dân).

9- Phát hành sách: Bao gồm: Sách chính trị xã hội, pháp luật, kinh tế phổ thông; sách phổ biến khoa học kỹ thuật và nâng cao kiến thức; sách văn học truyền thống các dân tộc Việt Nam; Sách thiếu nhi (kể cả sách Nhà nước cấp không thu tiền); Sách các loại bằng tiếng dân tộc ít người; các loại văn hoá phẩm phục vụ đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc trong tỉnh bao gồm: Băng, cờ, khẩu hiệu, chân dung lãnh tụ, tranh ảnh dân gian và các loại lịch phổ thông.

Hàng năm, tùy thuộc vào yêu cầu và khả năng của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh qui định cụ thể số lượng từng loại ấn phẩm trên để trợ cước vận chuyển trên cơ sở tham mưu của Sở Văn hoá - Thông tin.

10- Trợ giá in Báo Tuyên Quang: Trên cơ sở lượng báo phát hành trong năm theo kế hoạch.

11- Trợ giá máy thu thanh đơn giản cho đồng bào vùng đặc biệt khó khăn (khu vực III) theo kế hoạch Trung ương giao.

Điều 4: Xác định địa điểm giao, nhận hàng để tính trợ giá, trợ cước vận chuyển:

1- Địa điểm nhận hàng (chân hàng):

1.1- Thuốc chữa bệnh, giấy vở học sinh, sách, muối I ốt, thuốc trừ sâu, máy thu thanh: Tính từ Hà Nội.

1.2- Muối I-ốt: Tính từ trung tâm huyện (Từ Hà Nội đến trung tâm huyện do Chương trình phòng, chống rối loạn thiếu I-ốt Trung ương đảm nhiệm).

1.3- Dầu hoả thấp sáng: Tính từ thị xã Tuyên Quang.

1.4- Than mỏ:

- Than Quảng Ninh: Tính từ Việt Trì.

- Than núi Hồng: Tính từ mỏ Núi Hồng.

1.5- Giống cây trồng:

- Lúa lai; Tính từ các cửa khẩu phía bắc, Hà Nội.

- Ngô lai:

+ Đối với ngô lai ngoại: Tính từ Viện nghiên cứu ngô Quốc gia tỉnh Hà Tây và Công ty ngô Bioseed Hà Nội.

+ Đối với lai tự sản xuất: Tính từ xã Phúc Ứng huyện Sơn Dương.

1.6- Phân bón hoá học:

- Phân lân, NPK: Tính từ kho của Công ty Supe lân Lâm Thao và kho của Công ty phân lân nung chảy Văn Điển - Hà Nội.

- Phân đạm, phân kali: Tính từ Hải Phòng, Hà Bắc, Hà Nội.

- Phân vi sinh: Tính từ Hà Nội.

2- Địa điểm giao hàng:

2.1- Các mặt hàng giao tại Trung tâm cụm xã gồm: Thuốc chữa bệnh, giấy viết học sinh, muối I-ốt, giống cây trồng, dầu hoả thấp sáng, máy thu thanh.

2.2- Các mặt hàng giao tại trung tâm huyện gồm: Phân bón, thuốc trừ sâu, than mỏ, sách.

Điều 5: Xác định đơn giá trợ giá, trợ cước và giá bán lẻ hàng hoá:

1- Đơn giá trợ giá, trợ cước vận chuyển:

Giao cho Sở Tài chính - Vật giá phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc Miền núi căn cứ vào các qui định của Trung ương và của tỉnh xây dựng các mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2- Xác định giá bán lẻ các mặt hàng được trợ giá, trợ cước:

Căn cứ vào tình hình cung - cầu hàng hoá, giá cả thị trường tại địa phương và sức mua của nhân dân, Sở Tài chính - Vật giá chủ trì phối hợp với Sở Thương mại - Du lịch và các cơ quan có liên quan xây dựng giá bán lẻ các mặt hàng được trợ giá, trợ cước trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện thống nhất theo một mức giá bán lẻ trong toàn tỉnh theo nguyên tắc:

- Đối với các mặt hàng Nhà nước đã quy định mức giá, khung giá hoặc giá bán lẻ tối đa thì địa phương quy định mức giá cụ thể trong khung giá quy định.

- Quy định thống nhất một mức giá bán lẻ với từng mặt hàng chính sách được trợ cước, trợ giá tại các địa bàn trong toàn tỉnh. Mức giá hoặc khung giá phải tương đương với giá bán các mặt hàng cùng loại tại thị xã Tuyên Quang.

- Riêng đối với giống cây trồng, UBND tỉnh quy định giá bán giống cây trồng căn cứ vào tình hình cung cầu và sức mua của nhân dân trên cơ sở có xem xét giá bán lẻ giống cây trồng của các vùng giáp ranh thuộc các tỉnh khác để khắc phục tình trạng giá bán quá thấp hoặc quá cao.

Điều 6: Nguồn kinh phí trợ giá, trợ cước:

1- Kinh phí trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng chính sách được ngân sách Trung ương cấp cho tỉnh theo hình thức "Kinh phí uỷ quyền".

2- Trường hợp cần khuyến khích phát triển giống mới (Lúa lai, ngô lai) và hỗ trợ phân bón để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp mà ngân sách Trung ương không cân đối đủ, căn cứ vào khả năng ngân sách của địa phương, Sở Kế hoạch - Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá và các cơ quan có liên quan kiểm tra, tính toán và lập kế hoạch trích một phần ngân sách của tỉnh để bổ xung kinh phí trợ giá, trợ cước vận chuyển trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và trình HĐND tỉnh phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

3- Trợ cước vận chuyển tiêu thụ sản phẩm: Căn cứ quy định tại công văn số 849/UBNDTMN-CSMN ngày 11/9/1999 của Ủy ban Dân tộc Miền núi về việc "Quy định danh mục mặt hàng được trợ cước vận chuyển tiêu thụ sản phẩm, UBND tỉnh giao cho Sở Tài chính - Vật giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và

Đầu tư, Ban Dân tộc Miền núi, Sở Thương mại - Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tiêu thụ sản phẩm được hưởng trợ cước vận chuyển xây dựng phương án triển khai theo các quy định hiện hành, phù hợp với nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm để trình UBND tỉnh và các Bộ, Ngành có liên quan.

CHƯƠNG II

QUI ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7: Lập kế hoạch bán hàng có trợ giá, trợ cước và tiêu thụ sản phẩm được trợ cước vận chuyển:

1- Căn cứ để lập kế hoạch trợ giá, trợ cước:

1.1- Căn cứ hệ thống các định mức, qui định có liên quan của Trung ương và của tỉnh.

1.2- Các thông số: Dân số, diện tích đất gieo trồng, kế hoạch sản xuất nông nghiệp hàng năm; Số học sinh trong năm học, điểm cung ứng, đại lý bán hàng, kế hoạch in báo, đời sống nhân dân các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

2- Trình tự xây dựng kế hoạch trợ giá, trợ cước:

2.1- Các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ cung ứng các mặt hàng được trợ giá, trợ cước, vào thời điểm tháng 8 hàng năm chủ động xây dựng kế hoạch cho năm sau (Có phân chia ra các quý) cung ứng các mặt hàng có trợ giá trợ cước báo cáo UBND tỉnh và đồng gửi các cơ quan: Ban Dân tộc Miền núi, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá, các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

2.2- Giao trách nhiệm cho Ban Dân tộc Miền núi chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá và các cơ quan quản lý chuyên ngành tổng hợp; thẩm định kế hoạch trợ giá, trợ cước của các doanh nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 8: Quản lý công tác cấp phát và quyết toán kinh phí trợ giá, trợ cước:

1- Căn cứ cấp phát và tạm ứng kinh phí trợ giá, trợ cước:

1.1 - Kế hoạch về số lượng, dự toán kinh phí trợ giá, trợ cước từng mặt hàng được UBND tỉnh phê duyệt và giao cho các doanh nghiệp thực hiện cung ứng trong năm kế hoạch.

1.2- Trong phạm vi tổng kinh phí được duyệt, Sở Tài chính - Vật giá tạm ứng lần đầu 80% dự toán quý I. Các quý tiếp theo chỉ được ứng kinh phí sau khi đơn vị đã có báo cáo quyết toán quý trước gửi đến Sở Tài chính - Vật

giá và các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan thẩm tra số liệu quyết toán theo qui định.

2- Quyết toán kinh phí trợ giá, trợ cước:

2.1- Doanh nghiệp được cấp phát kinh phí trợ giá, trợ cước thực hiện các mặt hàng có trợ giá, trợ cước chủ động thực hiện quyết toán kinh phí theo qui định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời; báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt. Giám đốc và kế toán trưởng các doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính đúng đắn và chính xác của số liệu báo cáo quyết toán trợ cước, trợ giá theo đúng quy định của Pháp lệnh Kế toán thống kê.

2.2- Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính - Vật giá chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Tổng hợp báo cáo quyết toán của doanh nghiệp theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 9: Trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị trong công tác quản lý trợ giá, trợ cước:

1- Đối với các ngành:

1.1 - Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Căn cứ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh và kế hoạch trợ giá, trợ cước hàng năm thông báo chỉ tiêu kế hoạch mặt hàng chính sách được trợ giá, trợ cước và trợ cước vận chuyển tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp, các huyện, thị xã và các ngành có liên quan để triển khai kế hoạch thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch được giao để báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh về công tác quản lý, điều chỉnh, bổ sung kịp thời kế hoạch trợ giá, trợ cước cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá và các ngành có liên quan lập kế hoạch năm trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, Ngành liên quan để ghi kế hoạch mặt hàng được trợ cước, trợ giá và trợ cước tiêu thụ sản phẩm.

- Tham gia với Sở Tài chính - Vật giá và các ngành liên quan trong việc thẩm định các phương án phí lưu thông, giá bán hàng chính sách và tiêu thụ sản phẩm được trợ cước, tham gia trong thẩm định quyết toán kinh phí trợ giá, trợ cước hàng năm theo quy định.

1.2- Sở Tài chính - Vật giá:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc xác định giá bán, phí lưu thông, mức trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng chính sách và trợ cước tiêu thụ sản phẩm trình UBND tỉnh quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ cung ứng các mặt hàng có trợ giá, trợ cước xây dựng kế hoạch tài chính, phương án phí lưu thông được UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở xác định giá bán lẻ của từng mặt hàng.

- Trong phạm vi dự toán kinh phí được duyệt, thực hiện tạm ứng 80% kinh phí theo dự toán của quý I. Các quý tiếp theo sẽ giải quyết tạm ứng khi đơn vị đã có báo cáo quyết toán quý trước theo đúng chế độ và thời gian quy định.

- Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan liên quan kiểm tra, thẩm định và quyết toán kinh phí trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách và trợ cước vận chuyển tiêu thụ sản phẩm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh. Báo cáo quyết toán quý, năm cho UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo chế độ báo cáo tài chính hiện hành.

- Thực hiện công tác thanh tra theo chức năng quy định.

1.3- Ban Dân tộc Miền núi:

- Phối hợp với các ngành có liên quan trong việc xây dựng các phương án trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách và trợ cước vận chuyển tiêu thụ sản phẩm.

- Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã trong việc kiểm tra thực hiện cung ứng các mặt hàng chính sách đúng đối tượng, đúng định mức; kịp thời phát hiện và đề xuất biện pháp xử lý để thực hiện có hiệu quả chính sách trợ cước, trợ giá.

1-4- Sở Thương mại - Du lịch:

- Phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch trợ giá, trợ cước, phí lưu thông các mặt hàng chính sách; tham gia kiểm tra, thẩm định quyết toán kinh phí trợ giá, trợ cước của các đơn vị được giao nhiệm vụ cung ứng, vận chuyển các mặt hàng chính sách và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức tốt mạng lưới cung ứng các mặt hàng chính sách và các điểm thu mua, tiêu thụ sản phẩm được trợ cước vận chuyển.

- Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra theo chức năng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách trợ cước, trợ giá.

1.5- Các ngành quản lý chức năng:

Phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch trợ giá, trợ cước, phương án phí lưu thông và mức trợ cước, trợ giá vận chuyển, vốn dự trữ lưu thông các mặt hàng chính sách. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung ứng các mặt hàng chính sách thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

- Phối hợp với các ngành và UBND các huyện, thị xã trong việc kiểm tra, thẩm định số lượng, giá bán thực tế tại từng địa bàn, phát hiện và xử lý theo thẩm quyền những vi phạm.

- Thực hiện chế độ kiểm tra, báo cáo hàng quý theo quy định. Phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các mặt hàng chính sách và đề xuất các vấn đề về cơ chế, chính sách trợ cước, trợ giá.

2- Đối với UBND các cấp:

2.1- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Chỉ đạo và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn có đủ mạng lưới cung ứng các mặt hàng chính sách và tiêu thụ sản phẩm được trợ cước vận chuyển được thuận lợi.

- Phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành chỉ đạo các phòng, ban chức năng thực hiện tổ chức công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cung ứng, quản lý các mặt hàng chính sách theo đúng quy định của Nhà nước và của tỉnh. Quản lý về chất lượng, số lượng, giá bán các mặt hàng chính sách trên địa bàn; phát hiện, chấn chỉnh và xử lý những vi phạm thuộc phạm vi thẩm quyền theo đúng quy định.

- Thực hiện thủ tục xác nhận về số lượng, chất lượng, giá bán các mặt hàng chính sách làm cơ sở cho việc quyết toán kinh phí trợ cước, trợ giá theo quy định; chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, chính xác của việc xác nhận thực hiện hàng chính sách được trợ cước, trợ giá trên địa bàn.

2.2- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

Giám sát, kiểm tra số lượng, chất lượng, giá bán các mặt hàng chính sách trên địa bàn, kịp thời báo cáo UBND huyện, thị xã những dấu hiệu và hành vi vi phạm trong việc thực hiện hàng cung ứng các mặt hàng chính sách.

- Thực hiện thủ tục xác nhận về số lượng, chất lượng, giá bán các mặt hàng chính sách làm cơ sở cho việc quyết toán kinh phí trợ cước, trợ giá theo

quy định; chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, chính xác của việc xác nhận thực hiện hàng chính sách được trợ cước, trợ giá trên địa bàn.

3- Đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện cung ứng các mặt hàng chính sách và tiêu thụ sản phẩm được trợ cước, trợ giá:

- Nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện các mặt hàng chính sách đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh. Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý chức năng.

- Có trách nhiệm cung ứng đầy đủ, kịp thời và đảm bảo chất lượng, chủng loại các mặt hàng chính sách; thực hiện bán hàng theo đúng giá quy định; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết giá bán ở tất cả các điểm bán hàng, kể cả đại lý theo hợp đồng với đơn vị ngành hàng.

- Có trách nhiệm mở rộng mạng lưới bán hàng nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu về số lượng, chất lượng, đúng giá và đảm bảo đến tay người tiêu dùng.

- Định kỳ (hàng tháng) báo cáo giá mua hàng tại chân hàng cấp I và giá bán lẻ tại cụm xã về các cơ quan quản lý chuyên ngành (Cơ quan Tài chính, Thương mại, Kế hoạch đầu tư, Nông nghiệp) cấp huyện, cấp tỉnh để kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Trực tiếp xây dựng các phương án phí lưu thông hàng chính sách, tiêu thụ sản phẩm được trợ cước vận chuyển, giá bán hàng chính sách báo cáo Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan để thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

- Trực tiếp lập thủ tục, bảng kê đảm bảo đúng đắn, chính xác về lượng và giá bán lẻ hàng chính sách trình các ngành chức năng và UBND các huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn xác nhận làm căn cứ cấp ứng kinh phí thanh toán, quyết toán trợ cước, trợ giá theo hướng dẫn của Sở Tài chính - Vật giá. Giám đốc và kế toán trưởng doanh nghiệp chịu trách nhiệm nước pháp luật về số liệu báo cáo, kê khai.

- Quản lý, sử dụng, hạch toán và quyết toán kinh phí trợ giá, trợ cước theo đúng nguyên tắc, chính sách, chế độ hiện hành.

Điều 10: Xác định doanh nghiệp bán mặt hàng được trợ giá, trợ cước vận chuyển:

Trước mắt giao cho:

1- Công ty Giống vật tư NLN bán các mặt hàng: Phân bón hoá học, giống cây trồng (Lúa lai, ngô lai), thuốc trừ sâu.

2- Công ty Dịch vụ miền núi và dân tộc bán các mặt hàng: Dầu hoả thấp sáng, giấy vở học sinh, muối I-ốt.

3- Công ty Dược và vật tư y tế: Thực hiện cung ứng thuốc chữa bệnh cho các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, các trạm xá và bán lẻ qua các quầy hàng của Công ty.

4- Công ty sách và vật tư văn hoá: Bán mặt hàng sách.

5- Xí nghiệp in Tuyên Quang: Được trợ giá in báo Tuyên Quang.

6- Đài phát thanh - truyền hình tỉnh: Được trợ giá máy thu thanh đơn giản cho đồng bào ở khu vực III.

7- Than mỏ: Trợ cước trực tiếp cho các doanh nghiệp sử dụng than theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 11: Chế độ thông tin, báo cáo:

1- Chế độ thông tin: Đài phát thanh và truyền hình, Báo Tuyên Quang giành chuyên mục cho thông tin thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước hàng hoá.

2- Chế độ báo cáo: Hàng tháng, quý, năm các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ thực hiện bán mặt hàng có trợ giá, trợ cước phải lập báo cáo gửi Ban Dân tộc và miền núi, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan về tình hình và kết quả thực hiện cung ứng; nêu những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện bán hàng có trợ giá, trợ cước đồng thời đề xuất biện pháp giải quyết. Ban Dân tộc và Miền núi tổng hợp tình hình và kết quả phục hiện trên địa bàn toàn tỉnh báo cáo và đề xuất ý kiến với Uỷ ban nhân dân tỉnh và Uỷ ban dân tộc Miền núi theo quy định.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12: Quy định này được thi hành từ năm 2000. Những quy định trước đây của UBND tỉnh trái với quy định này không còn hiệu lực thi hành.

Điều 13: Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, thực hiện trợ giá, trợ cước bao gồm cả lượng và kinh phí vi phạm các quy định của pháp luật và tại Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 14: Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư,

Tài chính - Vật giá, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thương mại - Du lịch, Ban Dân tộc Miền núi, Y tế, Văn hoá, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn cụ thể và triển việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cấp, các ngành phải báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Congbao.tuyenquang.gov.vn